TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HS-ST
Ngày: 20-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Phúc.

Ông Trương Văn Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoàng Thân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Ông Hà Duy Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2019/TLST-HS, ngày 02 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HS, ngày 30 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Danh K. Sinh năm: 1995 tại GR – Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh H và bà Đỗ Ngọc H2; chưa có vợ, con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị cáo bị tạm giữ ngày 12/6/2019, tạm giam ngày 14/6/2019. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Trần Kh, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- *Bị hại:* Ông Cao Như X, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Cao Văn S, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

2. Ông Danh H, sinh năm 1944. Nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

3. Bà Đỗ Ngọc H2, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn P (có mặt).

2. Anh Nguyễn Thanh L (có mặt).

3. Anh Nguyễn Văn Đ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo nội dung bản Cáo trạng số: 08/CT-VKS-KT ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang đã truy tố Danh K về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

Khoảng 13 giờ, ngày 10/02/2019, Danh K đến nhà ông Cao Như X ngụ ấp T, xã V, huyện G để nhậu. Sau khi nhậu tại nhà ông X, đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày thì Cao Văn S (con ông X) rủ K đến nhà bạn của S tên B tại ấp Đ, xã V, huyện G để tiếp tục uống bia. Khi đi, S lấy xe mô tô biển kiểm soát 68F1-048.42 nhãn hiệu Honda Wave màu xanh của ông X để K điều khiển chở

S ngồi phía sau. Do có ý định chiếm đoạt xe ông X nên tại nhà anh B, K uống hết 02 lon bia rồi chủ động nghỉ và nói dối với anh S mượn xe đi đến cầu T, xã V để gặp bạn, nhưng thực chất không có. Sau khi lấy xe xong, K điều khiển xe đến Casino nước Campuchia, giáp biên giới Việt Nam (thuộc xã V, huyện T, tỉnh An Giang). Tại đây, K cầm xe cho một người nam thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ với số tiền 12.000.000 đồng để đánh bạc và sau đó thua hết. K tiếp tục gặp nam thanh niên trên và yêu cầu bán xe. Sau khi thỏa thuận, K đồng ý bán xe với giá 13.000.000 đồng, rồi K lấy 1.000.000 đồng đánh bạc và thua hết. Sau đó, K về nhà nói dối với ông X là xe đã cầm ở Casino nhưng thực chất K đã bán xe. Do nghi ngờ nên ông X đã trình báo cơ quan Công an, thấy vậy nên K đã bỏ trốn. Đến ngày 12/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G khởi tố vụ án và ra lệnh bắt tạm giam. Đến ngày 12/6/2019, K tự nguyện ra đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G.

Tại bản định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG, ngày 05/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện G kết luận 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 68F1-048.42, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn xanh - bạc tại thời điểm bị chiếm đoạt giá trị còn lại là 14.080.000 đồng (mười bốn triệu không trăm tám mươi ngàn đồng) (Bút lục 62, 63).

Về trách nhiệm dân sự: K đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả số tiền là 13.000.000 đồng cho bị hại là ông Cao Như X. Ngày 26/6/2019, ông X đã làm đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho K.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Danh K phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 03 đến 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Không.

- Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo do bị cáo là người dân tộc Khmer, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt, hứa không tái phạm.

- Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bà Đỗ Ngọc H2 không có ý kiến tranh luận, chỉ mong xử nhẹ cho bị cáo sớm về đoàn tụ gia đình. Ông Danh H không có ý kiến tranh luận gì.

- Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến như sau: Hoàn toàn thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên về trách nhiệm hình sự, điều khoản pháp luật áp dụng và cũng thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ mà Kiểm sát viên đề nghị nêu trên. Ngoài ra, bị cáo thuộc hộ nghèo, cha mẹ đã già yếu, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình. Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án bằng với thời hạn đã bị tạm giam, trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và chứng minh tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ, ngày 10/02/2019 tại ấp Đ, xã V, huyện G Thành, tỉnh Kiên Giang, Danh K đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là xe mô tô biển kiểm soát 68F1-048.42, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave màu xanh bạc do ông Cao Như X đứng tên chủ sở hữu rồi điều khiển xe đến Casino nước Campuchia bán cho một người nam thanh niên không rõ họ

tên, địa chỉ được số tiền 13.000.000 đồng để đánh bạc và thua hết. Hành vi của bị cáo K đã cấu thành Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, cụ thể:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người còn trẻ, có đủ sức khoẻ và khả năng lao động chân chính để kiếm tiền nuôi sống bản thân và gia đình. Nhưng vì muốn có tài sản nhanh chóng không phải do mồ hôi công sức của mình làm ra nên đã dùng thủ đoạn gian dối lấy lý do đi gặp người bạn để lấy xe mô tô của bị hại đến Casino nước Campuchia bán để có tiền đánh bạc. Hành vi của bị cáo không những làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, mà còn gây nên tâm lý hoang mang, lo lắng cho quần chúng nhân dân.

[3] Xét về nhân thân: Tài liệu về lý lịch thể hiện bị cáo có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án, tiền sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào. Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi vi phạm, tỏ ra biết ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú, gia đình được cấp sổ hộ nghèo, bản thân bị cáo là người dân tộc Khmer, học vấn thấp nên việc nhận thức pháp luật có phần hạn chế, cha bị cáo ông Danh H là người có công với cách mạng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, cần xem xét,

áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt: Xét thấy cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo sao cho vừa đảm bảo tính giáo dục, vừa răn đe phòng ngừa chung, đảm bảo quyền được hưởng các tình tình giảm nhẹ của bị cáo. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo hình phạt mức án từ 03 đến 06 tháng tù là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận và phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thời gian bị cáo bị tạm giam đến nay hơn 03 tháng cũng đủ để bị cáo nhận ra hành vi sai trái, biết tôn trọng pháp luật, sống có ích cho gia đình và xã hội. Bên cạnh đó, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của người bào chữa, áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật Hình sự về áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo, mức hình phạt bằng với thời hạn bị cáo đã bị tạm giam, trả tự do ngay cho bị cáo tại phiên tòa.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 13.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 có quy định những trường hợp được miễn án phí, tuy nhiên đây là quy định chung. Trong khi Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 là quy định riêng đối với án phí hình sự, trong đó quy định người bị kết án phải chịu án phí hình sự. Do Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 không quy định trừ những trường hợp được miễn án phí đối với người bị kết án. Vì vậy, bị cáo là người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không

có cơ sở chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về việc miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[8] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 174, Điều 38, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

- Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Danh K phạm "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Danh K 03 (Ba) tháng 09 (Chín) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/6/2019. Do thời hạn phạt tù bằng với thời hạn đã bị tạm giam nên trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

3. Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tạ Chí Dũng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADDS huyện G;
- Công an huyện G;
- UBND xã V, GT-KG;
- Bị cáo;
- Những người TGTT;
- Lưu: HSVA.